TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ DUY TIÊN** **TỈNH HÀ NAM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 26/*2023*/HNGĐ-ST
Ngày 28/7/2023
V/v: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ DUY TIÊN - HÀ NAM

**** Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: ông Mạnh Xuân Hải.

- *Các Hội thẩm nhân dân*: ông Vũ Quốc Phòng và bà Lê Thị Huấn.

* *Thư ký phiên tòa*: bà Phạm Thị Loan – Thẩm tra viên.

* *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên tham gia phiên toà:* bà Phan Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Duy Tiên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 52/2023/TLST - HNGĐ ngày 19 tháng 6 năm 2023, về việc *"Ly hôn"*. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 26/2023/QĐXX-ST ngày 05 tháng 7 năm 2023, giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: chị **Nguyễn Thị T,** sinh năm 1977; địa chỉ: tổ dân phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

2/ Bị đơn: anh **Lê Văn Th**, sinh năm 1976; địa chỉ: tổ dân phố Đ, phường D, thị xã D, tỉnh Hà Nam

(Tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị T, bị đơn anh Lê Văn Th cùng có Đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị T trình bày: Chị kết hôn cùng anh Lê Văn Th trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện D (nay là phường D, thị xã D), tỉnh Hà Nam vào năm 1996. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng không tìm được tiếng nói chung nên dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày một trầm trọng, không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly

thân từ năm 2015 đến nay. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên chị kiên quyết đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn Th.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là anh Lê Đình Th trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị T kết hôn cùng nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã D (nay là UBND phường D) vào năm 1996 và được hai bên gia đình tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống hòa thuận được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do giữa hai vợ chồng không tìm được tiếng nói chung dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân từ năm 2015 đến nay không ai quan tâm tới ai. Nay anh xác nhận tình cảm vợ chồng không còn nên việc chị T xin ly hôn, anh đồng ý.

Về con chung: Chị T và anh Th đều xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Thị H, sinh ngày 26/10/1997 và cháu Lê Văn T, sinh ngày 18/11/2002. Hiện nay cả hai cháu đã đủ 18 tuổi, trưởng thành và có cuộc sống tự lập được nên chị T và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, công sức, công nợ của vợ chồng: Chị T và anh Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Về ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 28; 35; 39; 147, 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55 Luật hôn nhân gia đình; Nghị quyết số: 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn Th; Về con chung; tài sản chung; công sức; công nợ: không đặt ra giải quyết; Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Chị T, anh Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Sau khi nghe vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam phát biểu quan điểm, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn Th đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 227; Điều 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn và bị đơn tại phiên tòa.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Trong quá trình giải quyết vụ án, cả chị T và anh Th cùng trình bày có đăng ký kết hôn UBND xã D (nay là UBND phường D) vào năm 1996 nhưng bị thất lạc giấy tờ kết hôn. Theo xác nhận của Ủy ban nhân

dân phường D cho biết: Qua rà soát sổ lưu trữ đăng ký kết hôn năm 1996 tại địa phương không còn lưu trữ nên không cung cấp trích lục kết hôn cho chị T và anh Th được. Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án như: Lời trình bày của chị T cho rằng vợ chồng chị có được UBND xã D đăng ký kết hôn vào năm 1996 và được anh Th thừa nhận. Như vậy, các đương sự đều thừa nhận có được đăng ký kết hôn nêu trên là trường hợp "Những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh" được quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự. Mặt khác, các giấy tờ hộ tịch có liên quan như giấy khai sinh của 02 người con chung của vợ chồng anh chị đều có tên chị T, anh Th là cha, mẹ của các cháu. Hơn nữa, tại thời điểm năm 1996 cả chị T, anh Th đã đủ tuổi kết hôn theo Luật HN&GĐ năm 1987.

Do đó, mặc dù cả chị T, anh Th không xuất trình được giấy tờ của cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận về quan hệ hôn nhân với Tòa án. Song căn cứ vào các tài liệu chứng cứ và nhận định trên HĐXX có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh Th là hôn nhân hợp pháp. Nay vợ chồng anh chị mâu thuẫn và có yêu cầu ly hôn thì Tòa án cần căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết theo thủ tục chung.

[3] Về quan hệ tình cảm vợ chồng: Trong quá trình chung sống, vợ chồng anh chị chung sống hòa thuận đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn và hai người đã sống ly thân từ đó đến nay. Nay chị T có yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Th và được anh Th đồng ý. HĐXX xét thấy: mâu thuẫn vợ chồng giữa chị T và anh Th đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, cho dù kéo dài tình trạng ly thân của vợ chồng như hiện nay cũng không đem lại hạnh phúc. Vì vậy, HĐXX cần xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh Th là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật NH&GĐ.

[4] Về con chung: Chị T và anh Th cùng xác nhận vợ chồng có hai con chung là cháu Lê Thị H, sinh năm 1997; cháu Lê Văn T, sinh năm 2002. Hiện nay cả hai cháu đã đủ 18 tuổi, trưởng thành và có cuộc sống tự lập. Khi ly hôn cả chị T, anh Th không có yêu cầu gì nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[5] Về tài sản chung, công nợ, công sức của vợ chồng: Do chị T và anh Th đều không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên HĐXX không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Các đương sự phải chịu theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong Đơn xin giải quyết vắng mặt, chị T xin chịu cả phần án phí của anh Th. Xét sự tự nguyện này phù hợp nên HĐXX chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228 và Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị T và anh Lê Văn Th.

2. Về con chung: Đối với con chung của vợ chồng là cháu Lê Thị H, sinh năm 1997 và cháu Lê Văn T, sinh năm 2002 đã đủ 18 tuổi, trưởng thành và có cuộc sống tự lập, nên không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung, công nợ, công sức của vợ chồng: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí HNGĐ sơ thẩm: Nguyên đơn là chị Nguyễn Thị T và bị đơn là anh Lê Văn Th mỗi người phải chịu 150.000 đồng. Chấp nhận sự tự nguyện của chị T chịu cả tiền án phí cho anh Th. Chị T được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai số AA/2021/0001965 ngày 19/6/2023 tại Chi cục Thi hành án thị xã Duy Tiên, tỉnh Hà Nam.

Báo cho chị T, anh Th vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Hà Nam.*
- *VKSND thị xã Duy Tiên.*
- *Chi cục THA thị xã Duy Tiên.*
- *UBND phường Duy Hải;*
- *Các đương sự.*
- *Lưu Hồ sơ.*

Mạnh Xuân Hải